

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2021/DS-PT
Ngày 18-3-2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu bồi thường thiệt hại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Phụng
Bà Lê Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hồng Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 548/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2020/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 109/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hà Văn H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Ông Văn Đ, sinh năm: 1962;

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Long An, Sở Tư pháp tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1962;

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ: Ông Ông Văn Đ, sinh năm: 1962;

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 10/9/2020).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Ông Văn Đ.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 02 năm 2019 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Hà Văn H trình bày:

Năm 1995 ông H nhận chuyển nhượng của ông Đặng Công T khoảng 28.000m² quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp Y, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Do thời điểm đó tỉnh Long An chưa có chính sách cho người ngoài tỉnh đến mua đất nên ông H không làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được. Đến năm 1996, ông H nhận thông báo đến Phòng địa chính huyện nộp phạt và ông H đã nộp phạt với số tiền 3.750.000đồng theo Biên lai số 01 ngày 10/4/1997 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 19.731m² thuộc các thửa 527, 528, 641, 116 tờ bản đồ số 3, 4. Như vậy ông không được cấp quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất nhận chuyển nhượng mà để lại một phần thửa 116. Ông có nêu thắc mắc với Cán bộ địa chính xã T vào thời điểm đó là ông H1 thì được trả lời, do phần còn lại thửa 116 chưa hoàn chỉnh còn hồ bom và bào trưng nên chỉ đăng ký được 350m² đất thổ cư, sau khi hoàn chỉnh thì ông được đề nghị cấp quyền sử dụng đất và sẽ được xem xét.

Ông H canh tác các thửa đất trên đến năm 1998 thì bị bệnh tai biến liệt nửa người. Ông H chuyển nhượng cho em ông là ông Nguyễn Văn Q diện tích 19.381m² gồm các thửa 527, 528, 641. Còn lại thửa 116 thì ông H cho ông Q canh tác để quản lý đất giúp ông, nhưng khi ông Q đến canh tác thì thấy ông Đ đang canh tác phần đất thuộc quyền sử dụng của ông H tại thửa 116. Ông Q có báo sự việc cho ông H nhưng do ông H đang bị bệnh không giải quyết được. Đến năm 2012, ông H và ông Đ được Ủy ban nhân dân xã T hòa giải nhưng không thành. Ông H khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà Đ phải trả lại cho ông thửa 956 có diện tích 2.616m² và thửa 112 có diện tích 4.155m² như Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 55-2020 xã T tờ bản đồ số 4 do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất H lập ngày 22/7/2020 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T duyệt ngày 27/7/2020.

Bị đơn ông Ông Văn Đ trình bày:

Ông H khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà Đ phải trả cho ông H thửa 956 có diện tích 2.616m² và thửa 112 có diện tích 4.155m² như Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 55-2020 xã T tờ bản đồ số 4 do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất H lập ngày 22/7/2020 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T duyệt ngày 27/7/2020 thì ông Đ không đồng ý. Do thửa 956 và thửa đất số 112 có nguồn gốc do ông Đ tự khai hoang vào năm 1990 đến năm 2013 và dùng vào canh tác lúa và hoa màu từ năm 2013 cho đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ do ông Ông Văn Đ đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà Đ là vợ của ông Đ, bà Đ thống nhất như lời trình bày của ông Đ.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2020/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 và Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 95, 96, 97, 100, 202, 203 Luật đất đai; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn H đối với (ông) Ông Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc (ông) Ông Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ giao trả các quyền sử dụng đất cho ông Hà Văn H thuộc thửa 956 có diện tích 2.616m² và thửa 112 có diện tích 4.155m² như Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 55-2020 xã T tờ bản đồ số 4 do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất H lập ngày 22/7/2020 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T duyệt ngày 27/7/2020.

Ông Hà Văn H có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông H đối với ông Đ và bà Đ về yêu cầu bồi thường thiệt hại về hoa lợi, lợi tức với số tiền là 120.000.000đồng.

Về các chi phí: Ông Ông Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 28.600.000đồng để hoàn lại ông Hà Văn H do ông Hà Văn H đã nộp tạm ứng chi phí trên.

Về án phí: Ông Ông Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch sung vào công quỹ Nhà nước. Ông Hà Văn H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông H 6.750.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003765 ngày 04/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 10 năm 2020, bị đơn ông Ông Văn Đ làm đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Ngày 23 tháng 10 năm 2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 136/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về việc xác định thêm quan hệ tranh chấp là tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và tính án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn ông Hà Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, trình bày cho rằng

quyền sử dụng hai thửa đất tranh chấp có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Đặng Công T, sau đó ông chuyển nhượng lại cho em rể là ông Nguyễn Văn Q, khi ông Q đến nhận đất thì phần đất này đã bị ông Đ chiếm dụng để canh tác, do ông bị bệnh nên không thể tiến hành khởi kiện ngay mà sau đó mới khởi kiện. Bị đơn ông Ông Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, trình bày cho rằng nguồn gốc thửa đất số 112 là do Đoàn A cấp đất khai hoang, trong giấy cấp đất ghi là đất thổ nhưng quá trình sử dụng đất ghi là đất lúa. Thửa 956 có nguồn gốc của ông S, nhưng do ông S nợ tiền vật tư của người khác nên ông Đ trả tiền và tự ý nhận đất sử dụng cho đến nay.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ông Ông Văn Đ kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để ông Đ được kê khai đăng ký quyền sử dụng các thửa đất tranh chấp là có cơ sở chấp nhận vì các căn cứ sau đây:

Hai thửa đất tranh chấp số 956 và 112 cùng tờ bản đồ số 4 do ông Đ là người trực tiếp sử dụng có công khai phá, là người san lấp, cải tạo đất từ những năm 1990, vào thời điểm này người khai phá không cần phải có quyết định giao đất mà tự họ khai phá, chính ông H cũng thừa nhận ông Đ sử dụng đất từ năm 1999. Ông Đ đã sử dụng đất vào thời điểm trước khi ông H nhận chuyển nhượng đất của ông T. Việc sử dụng đất của ông Đ là ổn định, lâu dài. Mặt khác cũng không có căn cứ chứng minh hai thửa đất số 956 và 112 được tách từ thửa 116 như nhận định của bản án sơ thẩm. Vì vậy cần bác yêu cầu đòi lại đất của ông H.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kháng cáo của bị đơn ông Ông Văn Đ, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về án phí dân sự sơ thẩm và về quan hệ tranh chấp là có cơ sở. Tuy nhiên do quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về tranh chấp quyền sử dụng đất còn có những điểm chưa thống nhất về việc xác định án phí có giá ngạch hay không có giá ngạch và tại phiên tòa ông Đ có yêu cầu xin miễn án phí, ông Đ là người có công với Cách mạng là đối tượng được miễn án phí nên Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị về án phí.

Xét kháng cáo của ông Đ yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của ông H là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Đ, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Ông Văn Đ, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An được làm đúng theo quy định tại Điều 272, 279 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273, 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Ông Hà Văn H khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng các thửa đất số 112 và 956 cùng tờ bản đồ số 4 với ông Ông Văn Đ, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về quyền sử dụng đất là đúng quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ngoài ra ông H còn yêu cầu ông Đ bồi thường cho ông H số tiền 120.000.000 đồng là số tiền mất thu nhập về hoa lợi. Sau đó ông H rút yêu cầu khởi kiện đối với phần bồi thường, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện về bồi thường nhưng không xác định quan hệ tranh chấp này là có thiếu sót, cần chỉnh sửa bản án sơ thẩm về quan hệ tranh chấp như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ông Hà Văn H tranh chấp hai thửa đất số 112 và 956 cùng tờ bản đồ số 4 với ông Ông Văn Đ, ông H cho rằng các thửa đất này ông H nhận chuyển nhượng của ông Đặng Công T trong tổng số 28.000m² đất nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất, đã bị ông Đ chiếm sử dụng nên yêu cầu ông Đ trả lại quyền sử dụng đất. Vào ngày 17 tháng 3 năm 2013 ông H có là đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng 8.000m² đất với ông Đ, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý vào ngày 27/3/2013. Ngày 28/8/2013 ông H làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Đ và bà Đ trả diện tích đất khoảng 400m² thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 4, tuy nhiên phần đất rút yêu cầu chỉ trình bày chưa được cấp quyền sử dụng đất không thể hiện vị trí, số thửa. Ngày 17 tháng 9 năm 2013 Tòa án huyện T ra quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa ông H và ông Đ bà Đ theo đó ông Đ bà Đ có trách nhiệm trả cho ông H 350m² đất thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 4.

[4] Sau khi rút đơn khởi kiện vụ án dân sự, ông H tiếp tục khiếu nại. Ngày 16/4/2014 Ủy ban nhân dân xã T tổ chức hòa giải nhưng không thành. Ông H khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện T. Ngày 17/4/2017 Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã T có biên bản làm việc với ông H và ông Đ, xác định diện tích đất tranh chấp là 6.771m² gồm thửa 112 diện tích 4.155m² và thửa 956, diện tích là 2.616m², mục đích sử dụng là đất LUC. Ngày 16 tháng 5 năm 2017 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2305/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp bác yêu cầu tranh chấp của ông H đối với ông Đ hai thửa đất số 112 và thửa 956. Ngày 14/6/2017 ông H khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án tỉnh Long An hủy Quyết định 2305/QĐ-UBND. Tại Bản án hành chính số 24/2018/HC-ST ngày 01/02/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã hủy Quyết định 2305/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện T nên ông H khởi kiện ông Đ tranh chấp hai thửa đất số 112 và 956 bằng vụ án dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nhận định của Bản án hành chính sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phía bị đơn ông Đ kháng cáo.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Ông Văn Đ thấy rằng:

[5.1] Nguồn gốc hai thửa đất số 112 diện tích 4.155m² và thửa đất số 956 diện tích 2.626m² có nguồn gốc do ông H nhận chuyển nhượng từ ông Đặng Công T, được thể hiện bằng giấy tay “*Tờ sang nhượng*” ngày 05/01/1997 giữa ông H và ông T, mặc dù trong giấy tay không ghi rõ số thửa đất, số tờ bản đồ, nhưng trong giấy tay có thể hiện vị trí đất chuyển nhượng đó là “*Đông giáp: đoàn 5; Tây giáp: 10 dốt; Nam giáp: CPC; Bắc giáp: Kinh Trung tâm*”. Qua đối chiếu vị trí theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, vào lời khai của những người làm chứng gồm ông Đặng Công L con ruột của ông Đặng Công T (ông T hiện nay đã chết); ông Lê Hoàng H, ông Lê Văn Đ đều xác định phần diện tích đất đang tranh chấp là của ông T, do ông T chuyển nhượng cho ông H, ông H không có điều kiện canh tác do bị bệnh được thể hiện bằng các giấy điều trị bệnh liên tục của các năm 2008-2015 sau đó chuyển nhượng lại cho ông Q thì ông Đ đã chiếm dụng để canh tác. Đồng thời đối chiếu vị trí đất mà ông H nhận chuyển nhượng của ông T thì có một phần tiếp giáp đất của ông Đ tại các thửa 514, 515, 529, 530, 531 mà ông Đ được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Đ trả đất cho bị đơn là có căn cứ.

[5.2] Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Đ trình bày cho rằng quyền sử dụng đất đối với hai thửa 112 và 956 có được là do khai hoang từ những năm 1990 và sử dụng ổn định cho đến nay, trong khi đó trong vụ án hành chính giải quyết về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với quyết định giải quyết tranh chấp của Ủy ban nhân dân huyện T giữa ông H và ông Đ thì ông Đ thừa nhận đất tranh chấp có nguồn gốc của ông H, ông H chuyển nhượng cho ông S và ông S chuyển nhượng lại cho ông Đ, trong phiên tòa phúc thẩm ngày 04/01/2021 ông Đ trình bày cho rằng nguồn gốc thửa đất số 112 là do Đoàn A cấp đất khai hoang, trong giấy cấp đất ghi là đất thổ nhưng quá trình sử dụng đất ghi là đất lúa. Thửa 956 có nguồn gốc của ông S, nhưng do ông S nợ của người khác tiền vật tư, ông Đ trả tiền và tự ý nhận đất sử dụng cho đến nay, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ của việc cấp đất khai hoang của Đoàn A. Sơ đồ cấp đất của Đoàn A hiện vẫn còn, vị trí đất khai hoang của ông Đ được cấp được ông Lê Hoàng H là Chủ tịch của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T xác định không trùng vị trí tranh chấp, ông Đ không có chứng cứ nào khác xác định quyền sử dụng đất đó là của ông Đ, vì vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo mà cần bác yêu cầu này, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, xác định quyền sử dụng đất là của ai, không đòi trả giá trị cũng như không tính đến giá trị quyền sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đ liên đới cùng bà Đ chịu án phí không có giá ngạch là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ cung cấp chứng cứ là người có công với Cách mạng, có yêu cầu miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 cần miễn án phí cho ông Đ. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An rút một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh Long

An, cần chấp nhận việc rút một phần kháng nghị theo khoản 3 Điều 298 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho ông Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 298; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2020/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

Chấp nhận việc rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về án phí.

Căn cứ vào các Điều 26, 37, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 95, 97, 100, 202, 203 Luật Đất đai; Điều 12, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn H đối với ông Ông Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc ông Ông Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ giao trả các quyền sử dụng đất cho ông Hà Văn H thuộc thửa 956 có diện tích 2.616m² và thửa 112 có diện tích 4.155m² như Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 55-2020 xã T tờ bản đồ số 4 do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất H lập ngày 22/7/2020 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T duyệt ngày 27/7/2020.

Ông Hà Văn H có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông H đối với ông Đ và bà Đ về yêu cầu bồi thường thiệt hại về hoa lợi với số tiền là 120.000.000đồng.

3. Về các chi phí tố tụng: Ông Ông Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 31.600.000đồng chi phí đo đạc, định giá, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông Hà Văn H đã nộp tạm ứng 30.100.000đồng, ông Đ đã nộp tạm ứng 1.500.000đồng, ông Đ bà Đ phải nộp lại 30.100.000đồng để hoàn trả cho ông Hà Văn H.

4. Về án phí: Miễn án phí cho ông Ông Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ.

Hoàn trả 300.000đồng tạm ứng án phí ông Đ đã nộp theo biên lai số 0003458 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T.

Ông Hà Văn H không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông H 6.750.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003765 ngày 04/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Nga